

Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc cầu cổ khu vực châu thổ Bắc Bộ (thế kỷ XVI - XX)

Bùi Văn Long*

Nhận ngày 24 tháng 6 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 8 năm 2023.

Tóm tắt: Cầu cổ vùng châu thổ sông Hồng là một công trình kiến trúc dân dụng nhưng mang đầy đủ các yếu tố nghệ thuật, văn hóa, thể hiện nhịp sống truyền thống của làng quê Việt. Cầu cổ không chỉ thực hiện chức năng kết nối về không gian, thời gian mà còn phục vụ nhu cầu sinh kế, sinh hoạt thường ngày của con người, góp phần tạo nên hình ảnh đặc trưng của vùng nông thôn châu thổ Bắc Bộ. Bài viết tìm hiểu nhận diện giá trị nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đậm chất dân gian được thể hiện qua bàn tay tài hoa của những người nghệ nhân xưa. Mỗi cây cầu cổ ở không gian nhất định sẽ có vai trò riêng biệt trong đời sống văn hóa bản địa tại mỗi làng quê. Bài viết cũng đánh giá thực trạng hiện tồn của hệ thống cầu cổ khu vực châu thổ Bắc Bộ, thông qua một số loại cầu cổ tiêu biểu từ đó đặt ra những vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị của các cầu cổ ở châu thổ Bắc Bộ trong bối cảnh đương đại.

Từ khóa: Cầu cổ, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The ancient bridge in the Red River Delta is a civil architecture, but it is full of artistic and cultural elements, showing the traditional rhythm of life of the Vietnamese countryside. The ancient bridge not only performs the function of connecting in space and time, but also serves the needs of people's livelihoods and daily activities, contributing to the typical image of the Northern Delta countryside. The article aims to identify the value of folk art and sculpture, which is expressed through the talented hands of ancient artisans. Each ancient bridge in a certain space has a separate role in the local cultural life in each village. The paper assesses the current status of the ancient bridge system in the Northern Delta region through some typical types of ancient bridges, we can see the related conservation and promotion of the value of ancient bridges in Red River Delta in the contemporary context.

Keywords: Ancient bridge, art, architecture, sculpture.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Cầu cổ vùng châu thổ Bắc Bộ trong quá khứ đã trở thành một biểu tượng đi vào tiềm thức của người Việt trong xã hội truyền thống, nó không chỉ đáp ứng nhu cầu đi lại, mà nó còn mang chức năng kết nối, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền. Ngoài chức năng giao thông, kết nối, thì bản thân mỗi cây cầu cổ còn mang trong nó những giá trị biểu tượng về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật tạo hình và kiến trúc dân gian (giai đoạn thế kỷ XVI - XX). Không những thế, mỗi cây cầu cổ còn trở thành biểu tượng cho sự trù phú, thịnh vượng của mỗi làng quê Việt. Cho đến nay, hệ thống cầu cổ vùng châu thổ Bắc Bộ đã và đang xuống cấp nghiêm trọng, thậm chí bị đổ nát hoặc trở thành phế tích trong không gian của làng Việt đang đô thị hóa mạnh mẽ. Chính vì vậy, việc nhận diện, phân loại, đánh giá và đưa ra các phương án bảo tồn là hết sức cần thiết. Hơn thế nữa, việc nhận diện kiến trúc, nghệ thuật cầu cổ sẽ cho chúng ta thấy rõ được những giá trị văn hóa đặc trưng hàm chứa trong nó.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về cầu cổ Việt truyền thống ở vùng châu thổ Bắc Bộ, có thể đề cập đến một số tác giả tiêu biểu: Nguyễn Du Chi, Chu Quang Trứ, Trịnh Cao Tường, Trần Lâm Biền... Tuy nhiên, hầu như chưa có nghiên cứu độc lập về cầu cổ/cầu truyền thống của người Việt

* Trường Đại học Mở Hà Nội.

Email: longbui@hou.edu.vn

ở châu thổ Bắc Bộ. Các nghiên cứu của những học giả đi trước, chủ yếu là một phần trong tổng thể sách chuyên khảo, hoặc được nhắc đến trong các khảo cứu chuyên sâu. Nhiều nhà nghiên cứu chỉ đề cập đến một cây cầu ngói hay cầu đá tiêu biểu, trong không gian văn hóa của một làng hoặc xã mà thôi. Mặc dù vậy, cũng có những nghiên cứu khá hệ thống về cầu cổ/cầu truyền thống của người Việt, có thể nhắc tới: Chu Quang Trứ (2002), “Cây cầu cổ trong văn hóa Việt”, *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật* (tập 1); Trần Văn Anh (2015), *Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc cầu Ngói, chùa Lương - Nam Định*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Mỹ thuật công nghiệp; Bùi Văn Long (2017), “Độc đáo cầu ngói xứ Nam”, *Văn hóa Nghệ thuật; Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc cầu ngói khu vực Châu thổ sông Hồng*, Tạp chí *Mỹ thuật* (2017)...

Để nghiên cứu về hệ thống cầu cổ ở châu thổ Bắc Bộ, tác giả sử dụng lý thuyết địa văn hóa - lịch sử của Trần Quốc Vượng và các nhà địa lý như Lê Bá Thảo, Mai Đình Yên... Có thể hiểu, điều kiện tự nhiên (địa hình: sơn văn, thủy văn, yếu tố thổ nhưỡng...; thủy văn: hệ thống sông ngòi, lưu lượng, chế độ thủy văn theo mùa...) đã có tác động đến đời sống văn hóa, lịch sử của con người ở mỗi vùng miền. Từ việc thích nghi, chung sống, dần dần con người ở mỗi vùng đất sẽ sản sinh những tri thức khác nhau để ứng xử với môi trường tự nhiên đó. Việc xuất hiện những cây cầu ngói (kiểu thượng gia hạ kiều), cầu đá bắc qua hệ thống sông ngòi ở vùng châu thổ Bắc Bộ là một điển hình của sự thích nghi đó.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng lý thuyết chức năng, được áp dụng nghiên cứu vào lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật nói chung và kiến trúc nghệ thuật tạo hình truyền thống nói riêng. Trong đó, cầu cổ/truyền thống được coi như là đối tượng nghiên cứu của một hình thái tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc ở châu thổ Bắc Bộ (giai đoạn từ thế kỷ XVI đến XVIII), giai đoạn nhiều công trình cầu ngói, cầu đá được xây cất, phục vụ nhu cầu dân sinh và có giá trị độc đáo về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. Đây sẽ là cơ sở cho việc tìm hiểu sâu hơn về kỹ thuật, nghệ thuật tạo hình, mô típ trang trí, ý nghĩa và biểu tượng văn hóa thể hiện trên các công trình cầu cổ Việt truyền thống.

Để đảm bảo tính khoa học, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: (i) Phương pháp sử học (phân ngành lịch sử mỹ thuật), được dùng để sưu tầm các tài liệu thư tịch cổ liên quan đến việc xây cất cầu. Phương pháp này cho phép, tác giả định vị được niên đại của từng cây cầu qua mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau. Từ đó, có thể nhận biết được bước chuyển theo thời gian của loại hình kiến trúc này cũng như đặc trưng nghệ thuật tạo hình và kết cấu kỹ thuật của nó. (ii) Phương pháp điền dã văn hóa học, được dùng để tiến hành khảo sát thực tế tại các địa điểm có cầu cổ ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Phương pháp này cho phép tác giả tiếp cận trực tiếp với các cây cầu cổ, đo vẽ, chụp ảnh, phỏng vấn sâu người dân địa phương và nhận biết được môi trường cảnh quan tác động đến công trình kiến trúc. (iii) Phương pháp của nghệ thuật tạo hình (phân môn tạo hình dân gian truyền thống), được dùng để mô tả lại kiểu dáng kiến trúc, hoa văn trang trí, những mảng trạm khắc trên kết cấu công trình. Phương pháp này sẽ giúp tác giả nhận diện được chi tiết các cấu kiện, các đồ án trạm khắc, ý nghĩa/biểu tượng của các mảng trang trí đó. (iv) Ngoài ra, tác giả bài viết còn sử dụng phương pháp so sánh, dùng để đối chiếu, làm rõ những tương đồng và khác biệt giữa cầu cổ khu vực châu thổ Bắc Bộ với các khu vực khác ở Việt Nam.

2. Một số đặc điểm địa lý - lịch sử

Đứng từ Thăng Long - Hà Nội, các triều đại quân chủ đặt các trấn: Đông, Nam, Đoài, Bắc; theo Trần Quốc Vượng: “Khi người Việt dần dà sinh thành sinh thành và kết tụ ở đồng bằng Bắc Bộ/châu thổ sông Hồng, và đặc biệt khi Thăng Long - Đông Đô - Đông Kinh trở thành miền Kẻ Chợ - Kinh Kỳ của một vương quốc hay/rời một đế chế Đại Việt (thế kỷ XI - XV) thì cái không gian xã hội của người Việt ấy thường nhìn nhận như một chỉnh thể địa lý, lấy Kinh Kỳ Kẻ Chợ làm trung tâm, với 4 xứ ở bốn phương: xứ Bắc hay miền Kinh Bắc, nay là Bắc Ninh và Bắc Giang; xứ Nam hay miền Sơn Nam, lại có thể phân ra là Sơn Nam Thượng (Hà Đông ngày nay) và Sơn Nam Hạ (Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình ngày nay); xứ Đông hay miền Hải Đông, sau này là Hải Dương và Hải Phòng; xứ Đoài, hay miền/trấn Sơn Tây, ngày nay là Sơn Tây và Vĩnh Phú (Vĩnh Phúc, Phú Thọ)” (Trần Quốc Vượng, 1998: 36-37). Từ Trấn đó quanh Thăng Long - Hà Nội, chính là vùng đất châu thổ Bắc Bộ/sông Hồng (mà chúng ta quen gọi là Đồng bằng Bắc Bộ).

Theo các nhà địa lý, “đồng bằng châu thổ sông Hồng và Thái Bình có đỉnh nằm ở Việt Trì và đáy kéo dài từ Quảng Yên về đến Ninh Bình. Trong thực tế phù sa sông Hồng còn bồi đắp kéo dài đến tận vùng Nga Sơn thuộc Thanh Hóa, còn sông Thái Bình thì bồi đắp nên một châu thổ kiểu *etchuye* - châu thổ hình phễu - có đỉnh ở Phả Lại và đáy kéo dài từ Quảng Yên (Quảng Ninh) về đến phía nam cửa Thái Bình... Sông Hồng và các nhánh của nó đều chảy giữa hai dải đất cao và hẹp nằm song song với dòng sông. Đây là những gờ sông được cấu tạo bằng những vật liệu thô hơn khi nước lũ tràn qua bỏ lại đây, các gờ sông này càng ra phía biển, càng thấp dần. Giữa các sông nhánh là các ô trũng, chẳng hạn như ô trũng Hà Nam Ninh, ô trũng Bắc Hưng Hải. Phần châu thổ do sông Thái Bình bồi đắp không có địa hình chênh lệch rõ rệt như của sông Hồng... đó là một châu thổ thủy triều, nằm trong tình trạng nửa ngập nước” (Lê Bá Thảo, 2002: 314-316). Từ các đặc điểm địa lý của vùng châu thổ, mà “tam giác châu có diện tích khoảng 16.000 km² và có 3 đỉnh, hình thành tự nhiên qua lịch sử. 1. Đỉnh thứ nhất là Việt Trì với vùng (1) thượng châu thổ. Đây là vùng đất Tô - nhà Hùng. 2. Đỉnh thứ hai là Cổ Loa với vùng (2) trung châu thổ. Đây là địa bàn gốc của Âu Lạc - vua Thục. 3. Đỉnh thứ ba là Phố Hiến với vùng hạ châu thổ. Đây là vùng Đằng Châu - Giao Thủy...” (Trần Quốc Vượng, 1998: 217).

Có thể nhận định, châu thổ sông Hồng/Bắc Bộ là vùng đất được phù sa của hệ thống sông Hồng và Thái Bình bồi đắp, quá trình này diễn ra trong một thời gian dài và vẫn đang tiếp tục tiến ra biển. Do bồi đắp tự nhiên, nên diễn ra tình trạng không đồng đều, chỗ cao xen với những ô trũng và cốt đất từng khu vực cũng vì thế cũng có chỗ ổn định hoặc không ổn định, hệ thống sông ngòi/chi lưu của nó tạo thành mạng lưới khá phức tạp. Thực tế, sông ngòi chính là sự ngăn cách giữa các vùng miền nếu chúng ta sử dụng đường bộ; nhưng lại là hệ thống giao thông đường thủy kết nối nội vùng và liên vùng, theo tư duy truyền thống sông nước của người Việt xưa. Tuy nhiên, việc di chuyển trong không gian hẹp (liên thôn, hoặc liên xã), thì sông ngòi nhiều khi không thuận tiện, bởi sẽ mất nhiều thời gian để chờ đò. Vì thế, một số làng xã truyền thống, sinh sống trong vùng trũng thấp, nhiều sông ngòi và có điều kiện kinh tế... đã dựng các cây cầu, giúp việc di chuyển, sinh hoạt đời thường được thuận tiện. Có thể đề cập tới các cây cầu cụ thể ở châu thổ Bắc Bộ sau:

3. Đặc điểm kiến trúc của một số cầu cổ vùng châu thổ Bắc Bộ

3.1. Cầu ngói chợ/chùa¹ Lương

Cầu Ngói chợ/chùa Lương thuộc xã Hải Anh, Hải Hậu, Nam Định đã trải qua gần 400 năm tồn tại và nhiều lần sửa chữa, trùng tu. Nhưng cho đến nay, cầu Ngói chùa Lương vẫn còn giữ lại khá nguyên vẹn, với những đường nét kiến trúc cổ kính và độc đáo mang nét đặc trưng nghệ thuật thế kỷ XVII - XVIII. Mặc dù ngày nay, có nhiều công trình giao thông mới đã và đang được xây dựng, nhưng cầu Ngói chùa Lương vẫn dành được rất nhiều tình cảm của người dân đất Quần Anh². Cầu Ngói chùa Lương gắn liền với quá trình khai hoang lấn biển, là minh chứng cho thời kỳ phát triển hưng thịnh của vùng đất Hải Hậu xưa. Cầu chùa Lương được bắc qua sông Giữa (có tên chữ là Trung Giang), là con sông chảy giữa 10 giáp của Quần Anh xã xưa kia. Cầu chùa Lương được đánh giá có kết cấu kiến trúc bền chắc và tính thẩm mỹ cao. Hệ thống chân cầu được dựng bằng các trụ đá, nhưng phần mái thì được lợp bằng rơm rạ, đến những năm Lê Chính Hòa thứ ba và thứ năm (1682, 1684), cầu được trùng tu lớn, các vì kèo thay bằng gỗ lim và lợp ngói mũi hài, phần trụ đá vẫn được giữ nguyên.

Nhìn cầu Ngói chùa Lương giống như một ngôi nhà nằm vắt mình qua sông. Phần trên, là mái ngói với đầy đủ hệ thống vì kèo giống như cách thiết kế của một ngôi nhà truyền thống. Người thợ xưa đã tạo ra kỹ thuật nửa lợp, nửa xây làm cho tổng thể dáng mái mềm mại tựa như hình thân rồng.

¹ Dân gian thường gọi theo 2 cách, là cầu Ngói chợ Lương hay chùa Lương, sở dĩ như vậy là bởi: thông thường, các làng truyền thống ở vùng châu thổ Bắc Bộ, chợ thường họp trước cổng chùa. Nhiều khi tên chợ cũng được gọi theo tên chùa và ngược lại. Vì chi tiết này, nên người Việt ở Bắc Bộ, tôn sùng đạo Phật, thường có câu nói: Thứ nhất tu tại gia, Thứ nhì tu chợ, Thứ ba tu chùa.

² Quần Anh là tên xã được đặt từ thời Lê năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), nâng từ ấp Quần Cường mà thành. Trải qua những giai đoạn lịch sử khác nhau, xã Quần Anh được chia tách, sáp nhập, đổi tên và xã Hải Anh ngày nay là một phần của xã Quần Anh trước kia.

Với cấu trúc 9 gian được xây dựng trên 18 cột đá vuông. Phía trên cột đá là hệ xà ngang, xà dọc bằng gỗ lim chắc chắn để đỡ dầm cầu và nâng sàn cầu. Sàn cầu làm bằng gỗ lim, rộng 2 m, mái lợp ngói vẩy rồng, có hình dáng cong cong và cao lên dần lên ở giữa và thấp dần đầu về hai đầu. Toàn bộ cây cầu bên trên có mái che kín đáo, bên dưới để thông thoáng. Đây là lối kiến trúc điển hình “thượng gia hạ kiều” hoặc “thượng gia hạ trì”³ theo cách gọi dân gian truyền thống.

Phần mộc của cầu Ngói chùa Lương không chạm khắc cầu kỳ, nhưng thể hiện rất rõ phong cách kiến trúc có kết cấu truyền thống Việt Nam. Đặc biệt là sự bố trí các hàng chân cột, các kết cấu vì kèo, cách ghép mộng gỗ... Phần nề cũng mang phong cách truyền thống rõ nét ở phần cổng hai đầu cầu. Cổng được xây dựng theo kiểu cửa vòm một lối, hai bên có hai hàng cột với đôi câu chữ Hán: “Giáp ngạn mã đề nhân thượng hạng. Hoàng Giang hồng ảnh ngật đông tây”, (Tạm dịch là: Trên cầu hàng ngày người và xe đi lại; Bóng của cầu buổi sáng ngả về phía đông buổi chiều ngả về phía tây). Trên vòm cổng có hình hai con nghê nâng một bức cuộn thư lớn trông vừa uy nghiêm, vừa thân thuộc (Trần Văn Anh, 2015: 36).

Hai bên lòng cầu là hai dãy hành lang cũng chạy song song uốn cong như lòng cầu, hành lang cao hơn lòng cầu 0,42 m, chiều rộng của hành lang 0,6 m, với sự thiết kế tinh tế của người thợ, hành lang có độ cao phù hợp để khách bộ hành dừng chân ngồi nghỉ hoặc du khách ngồi chơi hóng mát. Phía ngoài của hành lang là hệ thống các con song giữ chức năng là rào chắn nhưng cũng là những điểm nhấn tạo vẻ đẹp cho cầu.

Các mảng trạm khắc không nhiều và có phần đơn giản chỉ bằng các hàng soi, đường chỉ ở các vì kèo, các con bẩy, hàng xà ván bung tạo hình con bướm, đầu con song tạo dáng lá đề.

Bộ mái lớn, có kích thước dài 14 m, rộng 4,5 m, được làm trên nền độ dốc 15⁰, phương pháp lợp ngói đảm bảo độ đồng đều (không quá dày hoặc quá mỏng), chặt khít giữa các viên, tránh bị xô lệch.

Công cầu có kích thước chiều rộng đúng bằng sàn lòng cầu (2,2 m), chiều cao 2,9 m (tính từ điểm cao nhất xuống đến mặt sàn), được xây bằng gạch trát vữa, theo kiểu cuốn vòng cung. Cổng cầu được thiết kế 4 cột trụ vè tròn, tương ứng với hàng cột ở mỗi vì. Các cột trụ này được trang trí gờ chỉ, chân thắt cổ bông công phu, trên mặt cột có chạm/viết câu đối, nội dung ca ngợi vẻ đẹp của kiến trúc cầu của quê hương Quận Anh xưa. Bên trên cửa cuốn và hàng trụ, là hình tượng cuộn thư. Cuốn thư được đắp nhẵn, trong lòng đề 4 chữ: *Quận Phương xã kiều*. Hai bên cuộn thư là hình tượng hai con nghê được đắp bằng vôi vữa, bột giấy, hai chân sau đạp lên quả cầu, hai chân trước bám chặt vào cuộn thư. Hình ảnh điêu khắc này, vừa đảm bảo kết cấu vững chắc cho cuộn thư, vừa như nâng cuộn thư lên để tôn vinh - làm nổi bật dòng chữ Hán trên đó. Đỉnh cuộn thư cũng là đầu kim trên mái kiến trúc, nó có chức năng giữ/khóa lại bộ mái cho chắc chắn. Hai đầu kim, người thợ xưa đã khéo léo trang trí thành hình tượng si vắn⁴, nối tiếp với bờ guột, như tạo thành hình rồng đang uốn lượn.

Cầu ngói nằm trên trục đường liên xã, là cây cầu nối vào di tích chùa Lương, chính vì vậy dân gian đã dùng tên chùa để đặt cho cầu. Từ việc là cây cầu kết nối thuận tiện cho giao thông đi lại, lại được dựng gần chùa và phối cảnh với không gian, kiến trúc của Thiên môn, cầu Ngói chùa Lương đã tạo thành quần thể, không gian văn hóa đặc sắc, có tính chất trung tâm của vùng đất. Hơn nữa, tại vị trí của chùa - cầu, các phiên chợ được diễn ra, tạo nên mối giao thương buôn bán, trao đổi hàng hóa và giao lưu văn hóa giữa các làng xã của vùng đất Hải Hậu.

3.2. Cầu ngói chợ Thượng

Cầu ngói chợ Thượng thuộc xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, được xây dựng từ thời Hậu Lê. Theo tài liệu lưu trữ tại địa phương, cầu ngói chợ Thượng được bà chúa Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Cung phi của chúa Trịnh phát tâm công đức, đóng góp tiền của để xây dựng cầu.

³ Thượng gia hạ kiều, có thể tạm hiểu là, trên có mái nhà, dưới là cầu; thượng gia hạ trì, cây cầu ở trên giống như nhà ở, bên dưới là sông nước, thuyền có thể qua lại

⁴ Si vắn hay li vắn (dân gian còn gọi là con kim), là một trong 9 con của rồng (theo truyền thuyết Long sinh cửu tử). Rồng là linh vật có tính dương, nên thường đi giao phối với các loài trong tự nhiên và sinh ra những linh vật khác nhau, nhưng không con nào trở thành rồng (chỉ có nét giống mà thôi). Trong đó có si vắn/li vắn (con kim), là linh vật thích ngấm phong cảnh đẹp, thích ngấm nước và phun mưa, chính vì vậy, dân gian đưa lên đứng ở hai đầu kim trên kiến trúc để nó làm nhiệm vụ trừ hỏa tai (chống/chữa cháy).

Cầu gồm hai trụ móng (chân cầu) được xây dựng hoàn toàn bằng đá ong có kích thước khác nhau, tầng lớn cỡ 1,7 m x 0,6 m x 0,4 m; tầng nhỏ cỡ 0,5 m x 0,4 m x 0,2 m được sắp xếp khéo léo theo thứ tự lớn dưới, nhỏ trên. Tính từ mặt nước trung bình thì móng cầu rộng 3,7 m được xây vượt theo hình thang cân, với cạnh trên là 2,84 m. Hai trụ móng ở chân cầu dài 6,5 m, cách nhau 4,5 m tạo khoảng trống cho dòng nước lưu thông và thuyền bè qua lại. Dầm cầu được làm bằng hai cây gỗ lim, đường kính 0,4 m. Bên trên hai thanh dầm dọc là 4 thanh dầm ngang cũng bằng gỗ lim đường kính 0,2 m, có đầu nhô ra ngoài (dùng để đỡ chân cột bên trên). Mặt cầu được tạo thành hai phần, đường giữa cầu và hành lang hai bên. Đường giữa cầu rộng 1,74 m, lát đá tảng xen kẽ nhau; hai bên hành lang cũng lát đá tảng, tạo thành gờ phân cách và cao hơn mặt cầu là 0,15 m. Kiến trúc phần trên cầu được dựng bằng khung gỗ lim, mái lợp ngói nam, hai hồi xây tường mở cửa cuốn rộng 1,7 m, cao 2 m, hai bên trở cửa giả. Hai hồi có đại tự đắp nổi “Thượng gia kiêu” bằng chữ Hán. Cầu có 11 gian, kết cấu kiểu vì kèo bốn hàng chân, mỗi gian từ 1,45 m đến 1,65 m tạo nên một công trình dài 17,35 m nối 2 bờ sông Ngọc. Hai hàng cột cái, mỗi bên có 10 cột vuông 0,2 m cao 2 m đặt sát 2 bên lòng sàncầu. Các cột quân lại được làm bằng trụ tròn đường kính 0,17 m, cao 1,65 m đặt trên các đòn ngang hai bên hông cầu. Bên trên cột là hệ thống vì kèo đỡ mái với 10 bộ có kết cấu đơn giản, các hoành mái nổi mộng với vì để tạo khoảng trống tối đa cho không gian trong lòng cầu. Các bộ vì tạo thành những cánh tay đòn vuông vượn qua cột cái, cột quân đến tận diềm mái. Đặc biệt ở 3 gian cầu giữa, các nghệ nhân xưa đã xây bệ cao 0,4 m dọc hai bên hành lang, phía ngoài có lan can con song gắn mộng vào 4 cột khuôn giữa cầu. Bệ trở thành chỗ ngồi nghỉ ngơi, ngắm cảnh sông nước lý tưởng cho nhân dân địa phương và những người đi chợ xa. Ngoài ra, ở 2 đầu cầu có xây bậc thoải xuống mặt đường, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại dễ dàng (Bùi Văn Long, 2017a).

Tháng 6 năm 2012, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã có Quyết định công nhận cầu ngói chợ Thượng (xã Bình Minh, huyện Nam Trực) là Di tích cấp Quốc gia (Trần Văn Anh, 2015: 67).

3.3. Cầu Nhật Tiên và Nguyệt Tiên

Nhật Tiên kiều và Nguyệt Tiên kiều nằm trong Di tích chùa Thầy. Hai cây cầu có lối kiến trúc “Thượng gia hạ kiêu”. Theo bản thống kê cầu cổ Việt Nam của Viện Mỹ thuật, thì loại cầu theo kiến trúc “Thượng gia hạ kiêu” phát triển khá mạnh vào thế kỷ XVI (thời Mạc). Đó là các cầu như cầu Đôn Thư (Gia Lộc, Hải Dương) được dựng năm 1500, cầu Khê Cốc (Thanh Hà, Hải Dương) được dựng năm 1570, cầu ngói chùa Lương (Nam Định)... Muộn hơn về sau ở phía Nam đất nước cũng có hai cầu mái ngói nổi tiếng là cầu ngói Thanh Toàn (Huế), cầu Nhật Bản ở phố cổ Hội An (Quảng Nam)...

Như vậy, trong vùng châu thổ Bắc Bộ, hệ thống cầu ngói theo kiến trúc “Thượng gia hạ kiêu” có những nét tương đồng và những đặc điểm riêng biệt. Về nét tương đồng, chúng đều được cấu tạo bởi hai phần: phần cầu và phần nhà. Thêm nữa, hệ thống cầu ngói ở châu thổ Bắc Bộ là những công trình mang chức năng là phương tiện thuận lợi cho giao thông, được sử dụng để đi lại chứ không có chức năng thờ cúng trên cầu như Chùa Cầu ở Hội An (miền Trung Việt Nam). Song bên cạnh đó có nhiều điểm khác biệt:

Hệ thống cầu ngói ở châu thổ Bắc Bộ có thể chia làm hai loại. Loại cầu nằm tách biệt với công trình tín ngưỡng tôn giáo như: cầu ngói Phát Diệm và cầu ngói chợ Thượng... Loại cầu gắn với công trình tín ngưỡng tôn giáo như: cầu Nhật Tiên, cầu Nguyệt Tiên, cả hai đều nằm trong khuôn viên của chùa Thầy.

Cầu Nhật Tiên - Nguyệt Tiên có phần khác biệt khi sàn cầu được lát gạch. Kết cấu chịu lực của cầu (dưới sàn cầu) được xây theo kiểu vòm cuốn, gồm ba vòm cuốn và cho dòng nước chảy giữa các vòm cuốn đó. Cầu ngói chợ Thượng lại được xây hai trụ móng lớn ở hai đầu, tạo thành hình thang cân và chỉ để lại một khoảng trống nhỏ cho thuyền bè qua lại. Cầu ngói ở xã Hải Anh được thiết kế chôn thẳng những cột trụ đá xuống lòng sông, sàn cầu được ghép bằng những ván gỗ lim. Cấu trúc của cầu ngói thoạt nhìn, tưởng có vẻ đơn giản nhưng rất cầu kỳ về kỹ thuật, gồm có: kết cấu, kết nối bằng khớp mộng và nguyên tắc kết hợp vật liệu khác nhau như đá, gỗ, gạch, ngói... Nhờ trình độ kỹ thuật tài hoa của người nghệ nhân xưa gắn kết một cách khéo léo giữa các nghệ thuật tạo hình và kết cấu nên cây cầu vừa vững chắc vừa mềm mại, uyển chuyển.

3.4. Cầu ngói Phát Diệm

Huyện Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình) xưa kia là vùng đất sinh lầy ven biển, Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) đã có công lớn trong việc khai hoang, mở rộng và ghi danh vùng đất này trên bản đồ Việt Nam (Kỷ yếu hội thảo khoa học, 2020). Trong thời gian mở rộng diện tích đất nơi đây, cùng với việc lấn đất bãi bồi ven biển mở làng ấp. Sông Ân chảy qua thị trấn Phát Diệm là một công trình thủy lợi được ông cho khai thông trong nhiều năm, lấy nước ngọt từ đầu nguồn về đây rửa mặn để người dân sản xuất được thuận lợi. Khi có con sông này, việc đi lại của người dân hướng về phía biển mở rộng đất đai gặp nhiều khó khăn, Nguyễn Công Trứ đã cho xây dựng một cây cầu nổi đôi bờ sông Ân. Ban đầu cầu được xây dựng bằng thân những cây to, mặt cầu ghép bởi những ván gỗ lớn, để cho người dân đi lại được thuận tiện. Do thời gian bị hư hại, đến năm 1902 nhân dân trong vùng đã thay thế bằng một cây cầu ngói theo kết cấu kiểu “thượng gia hạ kiều”.

Trải qua hơn 100 năm, cầu ngói Phát Diệm đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, nhưng cho đến nay, nó vẫn còn giữ được nguyên dáng vẻ cong - hình cầu vồng (cao ở giữa và thấp đều xuống ở hai đầu), bên trên lợp ngói. Cầu ngói Phát Diệm gồm có 3 nhịp, mỗi nhịp có 4 gian, với tổng chiều dài 36 m, chiều rộng 3 m. Hai bên thân cầu có hai dãy lan can và cột đều bằng gỗ lim chắc chắn, đầu cầu có bậc tam cấp nổi xuống đường và bước xuống sông. Không chỉ có chức năng giao thông qua lại - kết nối với đường bộ, mà còn là kết nối với đường thủy, tạo thành hệ thống giao thông thủy bộ, thuận tiện cho sinh hoạt đời thường. Không những vậy, cầu ngói Phát Diệm nhìn từ xa giống như một mái đình làng cổ kính giữa vùng sông nước, trung tâm của huyện Kim Sơn (Trần Văn Anh, 2015).

3.5. Cầu Khum

Cầu Khum nằm ở phía Đông của làng Yên (xã Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội) tiếp giáp với trục đường giao thông liên xã Thạch Xá - Hữu Bằng, ở vị trí đối diện với đền Đồng Hoa. Xưa cầu bắc qua một ngòi nước chảy từ Hương Ngải, Canh Nậu, đồng Bùi ra sông Tích. Theo một số tài liệu ghi chép lại, cây cầu được sửa chữa vào năm Ất Hợi 1935, trong đó phần hạ kiều được làm lại hoàn toàn. Trước kia, con đường độc đạo đi vào làng Yên phải qua cầu Khum và nó đóng vai trò như một chiếc cổng làng. Toàn bộ hoạt động sản xuất, sinh hoạt thông thương của dân làng đều đi qua cây cầu này. Bên cạnh đó, cây cầu còn là nơi dừng chân nghỉ ngơi hoặc tụ tập chuyện trò của người dân trong làng hoặc khách phương xa đến chơi.

Ngày nay, do sự thay đổi công năng của con ngòi, nên cầu Khum bắc qua ao Đền của làng Yên. Về kết cấu kiến trúc, cầu Khum gồm phần hạ kiều có 3 cổng được xây cuốn vòm bằng đá ong. Trong đó, cổng giữa rộng gần 3 m, nên thuyền nhỏ có thể dễ dàng qua lại được. Phần trên mặt cầu, tức là thượng gia, dài hơn 12 m, được chia làm 5 gian, gian giữa dài 3,5 m, các gian bên dài 2 m. Toàn bộ phần tường xây bằng gạch đá ong, còn lại hệ thống kèo gồm 2 hàng cột cái, 2 hàng cột quân với tổng số 24 cột, xà nhà được làm bằng gỗ khá chắc chắn, trên mái lợp loại ngói vẩy cá đặc trưng của vùng nông thôn châu thổ Bắc Bộ. Gian giữa ngôi nhà cao, thấp thoải dần ra hai đầu hồi, nhìn từ xa, cây cầu giống như một chiếc thuyền nan úp ngược nên được dân gian gọi là cầu Khum. Nền cầu lát gạch chỉ, 2 đầu cầu có cánh cửa đóng mở. Gian giữa được làm thành khám thờ có bộ cửa bức bàn 6 cánh, hai gian bên để trống làm thành sạp gỗ lấy chỗ nghỉ ngơi (Báo điện tử Dân trí, 2021).

Dù hiện nay, không còn nhiều giá trị về giao thông do đã có con đường khác thay thế, nhưng cầu Khum vẫn được người dân địa phương lưu giữ lại như một phần không thể thiếu trong đời sống văn hoá của ngôi làng bé nhỏ này. Và hai bên sườn gian giữa được xây kín lại để làm ban thờ Quan Thần Linh, Thần Kim Quy, Thần Đại bàng. Hai gian bên vẫn để trống thành sạp gỗ làm chỗ ngồi nghỉ như truyền thống. Cứ đến dịp lễ làng vào ngày 20/2 và 20/8 Âm lịch hàng năm, dân làng Yên lại tổ chức lễ rước, dâng hương long trọng từ cầu Khum vào làng, vừa để bày tỏ lòng thành kính với các vị thần linh, vừa để cầu chúc cho quốc thái dân an, dân làng làm ăn thuận chèo mát mái...

3.6. Cầu đá làng Nôm

Không chỉ mang giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc độc đáo, chiếc cầu đá cổ hơn 200 năm tuổi của làng Nôm, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên được các nhà nghiên cứu di sản đánh giá là một công trình độc đáo, còn nguyên vẹn và chưa từng thấy ở bất cứ làng cổ nào của châu thổ sông Hồng. Ca dao có câu: “Ai về cầu đá làng Nôm/ Mà xem phong cảnh nước non hữu tình”, cầu Nôm là điểm nhấn độc đáo mang lại sức hút đặc biệt cho không gian văn hóa thuần Việt của làng quê cổ truyền. Cầu được làm hoàn toàn bằng đá xanh nguyên khối, kết cấu gồm có mặt cầu rộng gần 2 m, các phiến đá được xếp đặt, gắn khít nhau. Những phiến đá lớn được các nghệ nhân dân gian đục đẽo rất công phu, tỉ mỉ. Cầu xây 9 nhịp, theo quan niệm của người xưa số 9 tượng trưng cho sự may mắn và sự trường tồn. Dầm cầu kết cấu hình chữ nhật. Mặc dù bị rêu mốc và cây dây leo bám, nhưng những nét văn hoa cổ tinh tế của cầu vẫn rất dễ quan sát và nhận diện thấy. Hai bên thành cầu còn hầu như nguyên vẹn các mỏm đá dầm cầu được chạm trổ vân mây cách điệu, một họa tiết thường sử dụng trang trí trong kiến trúc cổ, được tạo tác công phu. Nghệ thuật trạm khắc rất điêu luyện, cầu kỳ, trông như những cái đầu rồng - biểu tượng cho bầu trời, cho khát vọng cầu mưa và no đủ của người nông dân. Chân cầu là những cột đá hình trụ, không đều nhau được đẽo thô để gác dầm cầu, đã bị xói mòn bởi thời gian và trở nên rêu phong, cổ kính. Điểm nổi bật của cây cầu Nôm là tính bền vững về kết cấu kiến trúc. Mặc dù mặt cầu, mố cầu và chân cầu chỉ gác lên nhau, không có/không dùng vật liệu liên kết, nhưng trải qua thời gian hơn 200 năm mặt cầu vẫn phẳng, chắc chắn và vững chãi. Điều đó cho thấy trình độ thiết kế, gia công vật liệu và thi công cầu của những người thợ ngày xưa rất đáng nể phục, đặc biệt là kỹ thuật xử lý nền móng và móng trụ cầu. Các cụ cao niên của làng kể rằng, ban đầu cầu được làm bằng gỗ lim, nhưng để thuận tiện cho giao thương vào chợ Nôm, sau đó cầu được xây dựng lại bằng vật liệu đá. Trước đây, còn có một cây gạo cổ ở đầu cầu phía bên chùa Nôm, nhưng nay bị cụt ngọn vì gió bão, dù dân làng đã cố cứu nhưng cây chẳng còn nguyên vẹn...

Cây cầu đá cổ là sự khác biệt trong kiến trúc của làng Nôm và cũng là một biểu tượng của ngôi làng cổ khi tên làng, tên cầu hòa làm một, đi vào câu ca dân gian.

3.7. Cầu đá ở Thuận Thành, Bắc Ninh

Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh hiện nay vẫn còn tồn tại hai cây cầu đá cổ khá nguyên vẹn. Đó là cầu đá nằm trong khuôn viên đền Lũng Khê (thôn Lũng Khê, xã Thanh Khương) thuộc khu vực thành cổ Luy Lâu và cầu đá thuộc địa phận giáp ranh giữa hai thôn Thuận An và Đức Nhân (xã Trại Lộ).

a) Cầu đá ở đền Lũng Khê - Thanh Khương

Trong khu di tích đền Lũng Khê (trong khuôn viên thành Cổ Luy Lâu), hiện còn bảo lưu được cây cầu đá cổ khởi dựng từ thời Lê Trung Hưng và được trùng tu vào năm Quý Mão, niên hiệu Thiệu Trị 3 (1843). Cầu bắc qua một hồ nước phía trước đền và là lối đi vào khu vực chính điện. Cầu làm bằng đá xanh nguyên khối, gồm 7 nhịp với chiều dài tổng cộng là 10,38 m, chiều rộng mặt cầu 1,67 m, chiều dài trung bình mỗi nhịp là 1,4 m. Các bộ phận cấu thành cầu gồm: tấm lát mặt, dầm cầu, cột trụ. Tất cả có hơn 20 tấm đá lát mặt cầu kích thước tấm lớn nhất rộng 0,6 m, dài 1,43 m, tấm nhỏ nhất rộng 0,38 m, mỗi nhịp có 3 tấm lát mặt (có nhịp gồm 4 tấm) thường tấm ở giữa để phẳng, 2 tấm bên cạnh tạo gờ nổi hai bên rìa tạo dáng cho thành cầu. 8 chiếc dầm cầu kích thước dài trung bình 2,25 m, hai bên đầu dầm cầu trang trí vân mây xoắn, tạo dáng hình đầu rồng. Phía bên trên hai đầu dầm cầu trang trí các con vật, hoa lá cách điệu như: hồ phù, cá chép, roi, lá sen, lá đề, hoa chanh, dây leo cách điệu... Tổng cộng có 24 chiếc cột trụ đỡ thân cầu, cột có kích thước dài khoảng từ 2,5 m đến 3 m. Những trụ cột đỡ thân cầu được đặt trên những đế chân tảng nằm chìm dưới nước hồ. Đây là phần kỹ thuật chịu lực phức tạp nhất mà các nghệ nhân xưa phải tìm cách để xử lý. Do thân cầu bằng đá có trọng lượng rất nặng, lại lên cột chịu lực dưới hồ, thường có chất đất mềm, dễ bị sụt lún, tác động mạnh đến kết cấu kiến trúc. Việc xử lý nền móng trụ cầu không tốt hoặc không tính toán chính xác về trọng lực sẽ dẫn đến sập hoặc vụn cầu, làm nứt vỡ các cấu kiện đá vốn có đặc tính cứng nhưng giòn (Nguyễn Văn An, 2021).

b) Cầu đá làng Thuận An - Trạm Lộ

Hiện nay trên bờ sông Gáo, địa điểm giáp ranh giữa hai làng Thuận An và Đức Nhân thuộc xã Trạm Lộ còn tồn tại một cây cầu đá cổ. Tương truyền cầu đá do cụ Nguyễn Quang Sáng là người thôn Đức Nhân bỏ tiền ra mua đá, thuê thợ xây cất để cung tiến cho làng cách đây gần 200 năm. Khi ấy cụ đang làm chức Xuất huyện huyện Siêu Loại dưới đời vua Minh Mệnh (1820 - 1840). Cầu đá được bắc trên con đường chính nối liền từ cửa chùa làng Đức Nhân sang làng Thuận An. Con đường này hiện nay không còn nữa, nhưng cầu đá vẫn còn tồn tại và được bảo tồn nguyên vẹn. Cầu làm bằng đá xanh nguyên khối, gồm 5 nhịp với chiều dài tổng cộng là 8,3 m, chiều rộng mặt cầu 1,48 m, chiều dài trung bình mỗi nhịp là 1,45 m. Các bộ phận cấu thành cầu gồm: tám lát mặt, dầm cầu, cột trụ. Tất cả có gần 20 tấm đá lát mặt cầu kích thước tấm lớn nhất rộng 0,56 m, dài 1,45 m, tấm nhỏ nhất rộng 0,38 m, mỗi nhịp có 3 tấm lát mặt (có nhịp gồm 4 tấm) thường tấm ở giữa để phẳng, 2 tấm bên cạnh tạo gờ nổi hai bên rìa tạo dáng cho thành cầu. 6 chiếc dầm cầu kích thước dài trung bình 2 m, hai bên đầu dầm cầu trang trí vân mây xoắn, tạo dáng hình đầu rồng. Tổng cộng có 14 chiếc cột trụ đỡ cầu, riêng hai bên đầu cầu mỗi bên có 3 cột trụ đỡ dầm cầu, cột có kích thước dài khoảng từ 2 m đến 2,5 m (Nguyễn Văn An, 2021).

Trong số hai cây cầu đá cổ kể trên, hiện tại chỉ còn cây cầu đá ở đền Lũng Khê nằm trong khu vực thành cổ Luy Lâu và vẫn được người dân sử dụng. Đây cũng là lối đi chính vào di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia - đền Lũng Khê, nơi thờ Sĩ Nhiếp ở vị trí trung tâm thành cổ Luy Lâu xưa. Cây cầu đá còn lại ở địa bàn xã Trạm Lộ, nhân dân đã không sử dụng từ rất lâu rồi. Hiện cây cầu đang nằm chơ vơ giữa đôi bờ sông Gáo xưa, đường dẫn đến hai đầu cầu cũng không còn nữa.

4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của cầu cổ châu thổ Bắc Bộ trong đời sống hiện nay

Qua thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy những cây cầu cổ ở châu thổ Bắc Bộ mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật có biểu hiện xuống cấp như: nhiều tấm lát mặt cầu bị sứt vỡ, hoặc đã bị gãy làm đôi, các nhịp cầu bị xô lệch, không gian môi trường không được chú ý tôn tạo, quy hoạch cảnh quan... Đặc biệt là cây cầu đá, cầu ngói ở địa điểm giáp ranh với dân sinh. Các ngành chức năng cùng chính quyền và nhân dân địa phương nơi sở tại có những cây cầu cổ cần phải có các giải pháp nhằm khắc phục, bảo tồn, tôn tạo thêm những di sản văn hóa này, phải có các quy định cứng rắn nhằm ngăn chặn mọi hành vi có biểu hiện xâm lấn, phá hoại cầu. Trong tương lai, khi có dự án trùng tu tôn tạo các di tích cổ cũng cần quan tâm đến việc trùng tu các di tích cầu cổ nói trên cũng như nhiều cây cầu cổ khác trên lãnh thổ Việt Nam.

Hiện nay, do sự thiếu quan tâm đúng mức của một số cấp, ngành văn hóa, nhiều cây cầu cổ đã bị xuống cấp, hư hại, nứt nẻ, mùn, biến dạng, đã có một số phần bị sứt, vỡ nhiều chỗ không thể phục hồi được. Việc bảo tồn phát huy giá trị văn hoá nghệ thuật cầu cổ vẫn chưa được các cơ quan quản lý văn hóa thực sự chú trọng. Ngoài ra, nguồn kinh phí, phương tiện, nhân lực đầu tư cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo, khai thác giá trị văn hoá nghệ thuật của những cây cầu cổ còn gặp không ít khó khăn. Các cấp ủy, chính quyền địa phương có lúc còn chưa nhận thức sâu sắc vai trò, giá trị về lịch sử, văn hoá, nghệ thuật độc đáo của những cây cầu cổ trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, đôi khi vì mục tiêu phát triển kinh tế mà quên mất những giải pháp hữu hiệu để bảo vệ những giá trị văn hoá, lịch sử đã tồn tại lâu dài. Để khắc phục những tình trạng trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cần phải thực hiện để giữ gìn và phát huy được giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật của cầu cổ Bắc Bộ như sau:

Một là, các cơ quan quản lý về văn hóa di tích cổ cần sớm có chủ trương điều tra xã hội học, kiểm kê, đánh giá, nhận định lại toàn bộ những di tích cầu cổ nói chung, trên cơ sở đó có những chính sách thích hợp nhằm bảo vệ, tu sửa, bảo tồn phát triển một cách bền vững và lâu dài những di tích đó.

Hai là, cần sớm có những kế hoạch, chiến lược, dự án đưa di tích kiến trúc cổ vào các cơ sở đào tạo Mỹ thuật, Thiết kế kiến trúc, Mỹ thuật ứng dụng, thông qua di tích, giáo dục cho người học biết giá trị nghệ thuật và giữ gìn, phát huy những công trình nghệ thuật của cha ông để nó được trường tồn và đưa vào ứng dụng trong đời sống hiện nay.

Ba là, cần tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, trong đó mời các chuyên gia đầu ngành về Lịch sử, Văn hóa, Nghệ thuật... đánh giá giá trị của di tích cầu cổ khu vực châu thổ Bắc Bộ nhằm giúp các thế hệ nhận thức đầy đủ hơn về các công trình nghệ thuật dân gian.

Vấn đề bảo tồn, giữ gìn phát huy các giá trị của các cây cầu cổ khu vực châu thổ Bắc Bộ không phải chỉ dành cho các cấp, các ngành văn hóa có liên quan mà cần cả sự đồng hành của toàn xã hội, đó là một phần thiết thực nhằm chăm lo đời sống tinh thần cho cả thế hệ hôm nay mà còn các thế hệ mai sau.

5. Kết luận

Di tích cầu cổ Việt Nam là một loại hình kiến trúc dân dụng mang dấu ấn văn hóa đặc trưng của làng quê truyền thống ở châu thổ Bắc Bộ, bên trong nó hàm chứa những giá trị đặc sắc về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí dân gian. Hình ảnh cây cầu ngói, cầu đá cổ nói riêng và những cây cầu truyền thống nói chung, đã trở thành một trong những biểu tượng về làng quê, bên cạnh “cây đa, bến nước, sân đình”. Không những thế, hình ảnh cầu cổ đã đi vào trong dân ca, ca dao, tục ngữ của thôn quê và được lưu giữ trong tâm hồn Việt để rồi những cây cầu cổ đã phác họa được những vẻ đẹp văn hóa truyền thống trong nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật kiến trúc. Thông qua các chất liệu xây dựng như đá, gỗ, gạch, ngói... các nghệ nhân dân gian đã khéo léo thể hiện tài năng của mình. Bên cạnh đó, các nghệ nhân dân gian còn thể hiện tài năng ở cách bố cục sắp xếp không gian phù hợp, để cây cầu hài hòa với cảnh quan tự nhiên. Những cây cầu ngói vùng châu thổ Bắc Bộ xứng đáng là những công trình kiến trúc, điêu khắc dân gian có giá trị về văn hóa nghệ thuật cần được bảo tồn và phát huy trong cuộc sống, đảm bảo sự phù hợp giữa việc bảo vệ giá trị di sản văn hóa nghệ thuật với môi trường nhân văn trong điều kiện phát triển xã hội đương đại.

Tài liệu tham khảo

- Báo điện tử Dân trí. (2021). *Độc lạ cây cầu có hình chiếc thuyền nan úp ngược ở Hà Nội*. <https://dantri.com.vn/van-hoa/doc-la-cay-cau-co-hinh-thuyen-nan-up-nguoc-o-ha-noi-20210320020054026.htm>
- Bùi Văn Long. (2017a). Độc đáo cầu ngói xứ Nam. Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*. Số 397.
- Bùi Văn Long. (2017b). Giá trị nghệ thuật Cầu ngói vùng Châu thổ Bắc Bộ. Tạp chí *Mỹ thuật*. Số (295&296).
- Chu Quang Trứ. (2002). Cây cầu trong văn hóa Việt cổ. in trong *Văn hóa Việt Nam nhìn từ Mỹ thuật*. t.I. Nxb. Mỹ thuật.
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học. (2020). *Nguyễn Công Trứ với lịch sử văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn An. (2021). Độc đáo hai cây cầu đá cổ ở Thuận Thành. *Webiste Bảo tàng Bắc Ninh*. <https://baotangbacninh.vn/ds-lich-su/33>
- Nguyễn Du Chi. (2000). *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*. Nxb. Mỹ thuật.
- Nguyễn Thị Phương Duyên. (2006). Cây cầu trong văn hóa Nam Bộ. Kỷ yếu Hội thảo *Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010*. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Thu Hương. (2017). *Biểu tượng cây cầu - từ đời sống văn hóa đến ca dao trữ tình người Việt*. [Khóa luận tốt nghiệp. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội].
- Phạm Quân. (2021). Ninh Bình: Cầu ngói Phát Diệm trăm năm soi nước sông Ân, trăm năm in hình bóng tiền nhân đi mở đất. *Báo điện tử Dân Việt*. <https://danviet.vn/ninh-binh-cau-ngoi-phat-diem-tram-nam-soi-nuoc-song-an-tram-nam-in-hinh-bong-tien-nhan-di-mo-dat-20210706194450991.htm>
- Trần Văn Anh. (2015). *Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc cầu Ngói, chùa Lương - Nam Định*. [Luận văn thạc sĩ. Đại học Mỹ thuật công nghiệp].